

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Tháng 8/2024

DV: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm				Dự toán được sử dụng	Thực hiện trong tháng	Thực hiện lũy kế	So sánh TH/DT		Nguyên nhân không chi hết dự toán
			Đầu năm	Bổ sung	Giảm	Tổng số				Tỷ lệ %	Số tuyệt đối	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6	8=3+7	9	10	11=10/8	12=10-8	13
	Tổng số	1.456.244.188	12.577.000.000	-	-	12.577.000.000	14.033.244.188	796.017.560	6.499.072.680		(7.534.171.508)	
1	Kinh phí tự chủ, thường xuyên		6.135.000.000	-	-	6.135.000.000	6.135.000.000	635.473.025	4.199.914.928	68%	(1.935.085.072)	
2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.414.744.188	6.186.000.000	-	-	6.186.000.000	7.600.744.188	-	2.093.963.217		(5.506.780.971)	
	Chi thu nhập tăng thêm	1.402.108.079	6.005.000.000			6.005.000.000	7.407.108.079	-	2.093.963.217	28%	(5.313.144.862)	
	Chi tăng lương cơ sở	12.636.109	181.000.000			181.000.000	193.636.109	-	-		(193.636.109)	
3	Kinh phí không tự chủ	41.500.000	256.000.000			256.000.000	297.500.000	160.544.535	205.194.535		(92.305.465)	
3.3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo											
	Mua sắm tập trung máy Photocopy	41.500.000				-	41.500.000	59.616.740	59.616.740	100%	-	
	Chế độ trả lương thêm giờ		120.000.000			120.000.000	120.000.000	59.616.740	59.616.740	50%	(60.383.260)	
	Phụ cấp đối với nhà giáo dạy hòa nhập cho HS khuyết tật		105.000.000			105.000.000	105.000.000	100.477.795	100.477.795	96%	(4.522.205)	
	Hỗ trợ viên chức làm công tác y tế trường học		11.000.000			11.000.000	11.000.000	450.000	3.600.000	33%	(7.400.000)	
	Miễn, giảm tiền học Hai buổi và hỗ trợ chi phí học tập		20.000.000			20.000.000	20.000.000	-	-		(20.000.000)	

Kinh phí không tự chủ: chi tiết từng nội dung chi.

Thuyết minh nguyên nhân chi không hết dự toán được sử dụng.

Phụ trách kế toán

Trần Thị Tuyền

Quận 8, ngày 04 tháng 9 năm 2024

CHỖ ARRÔNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG NGẠN

Lê Huỳnh Diễm Thúy

CÔNG KHAI THU - CHI CÁC NGUỒN THU, CÁC QUỸ
THÁNG 8/2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Mã đối tượng	Tên nguồn	Dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	Ghi chú
				Thu	Chi		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4) = (1)+(2)-(3)	(5)
1	HP16	Tiếng Anh tích hợp	470.375.196	0	6.982.425	463.392.771	
2	HP27	Tiền học "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"	981.333.166	6.800.000	76.642.392	911.490.774	
3	HPCB	Cấp bù học buổi hai	1.097.600	0	0	1.097.600	
4	KH01	Trích lại từ BHYT hs	17.123.530	0	0	17.123.530	
5	KH20	Tiền suất ăn trưa bán trú	42.716.782	1.734.000	0	44.450.782	
6	KH21	Tiền án chi đề kiểm tra	1.301.289	0	0	1.301.289	
7	KH23	Tiền nước uống	22.206.000	40.000	0	22.246.000	
8	KH28	Phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	233.385.049	450.000	1.178.182	232.656.867	
9	KH50	Thuế cho thuê mặt bằng	1.155.000	0	0	1.155.000	
10	KH99	Tiền khác (KT các danh hiệu thi đua)	50.174.000	1.080.000	1.080.000	50.174.000	
11	NCCTL3	Nguồn CCTL từ thu SN	201.401.308	0	0	201.401.308	
12	SN03	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	9.228.187	0	0	9.228.187	
13	SN04	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	572.555.571	0	0	572.555.571	
14	SN05	Quỹ khen thưởng	75.912.798	0	0	75.912.798	
15	SN06	Quỹ phúc lợi	507.947.209	0	54.000.000	453.947.209	
16	TH12	Nha học đường	5.241.938	0	0	5.241.938	
17	TH99	Thu hộ, chi hộ khác	9.600.968	0	0	9.600.968	
18	TLNH	Tiền lãi Ngân hàng	3.546.397	530.256	0	4.076.653	
Cộng			3.206.301.988	10.634.256	139.882.999	3.077.053.245	

Kế toán

Trần Thị Tuyền



Lê Huỳnh Diễm Thúy